

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/KDTM-ST

Ngày: 31-12-2020.

Về việc: Tranh chấp Hợp đồng mua
bán hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tú
2. Bà Nguyễn Thị Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tống Thị Huê – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 17/2020/TLST-KDTM ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc: Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2020/QĐST - KDTM ngày 14 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V; địa chỉ: Lô BT2, ô số 49, khu Đ, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; người đại diện của Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V: Bà Nguyễn Thị Bạch T và bà Nguyễn Thị Thu H là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 06-08-2020 và ngày 28-12-2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V; bà T vắng mặt, bà H có mặt.

- Bị đơn: Công ty cổ phần P; địa chỉ: Lô C1, khu công nghiệp P, xã P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; Người đại diện của Công ty cổ phần P: Bà Ngô Thị T1 là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 03-12-2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần P; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bạch T và bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V (gọi tắt là Công ty V) và Công ty cổ phần P (gọi tắt là Công ty P) ký kết Hợp đồng nguyên tắc số 16/2016/HĐMB/VH-PL ngày 10-03-2016. Theo đó Công ty V cung cấp cấp dự ứng lực và neo dự ứng lực các loại cho Công ty P, Công ty P thanh toán giá trị hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày Công ty V giao hàng. Tháng 03-2018 Công ty V hoàn thành giao cho Công ty P 13,358 tấn cáp với tổng số tiền là 329.675.441 đồng và đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 0001722 ngày 27-03-2018. Ngày 03-06-2018 Công ty P trả số tiền 75.144.809 đồng, ngày 31-07-2018 trả số tiền 5.193.601 đồng, ngày 01-02-2020 trả số tiền 42.000.000 đồng nên tổng số tiền Công ty P đã trả 122.338.410 đồng. Ngày 26-3-2020 Công ty V gửi biên bản đối chiếu công nợ với số tiền nợ còn lại của Công ty P là 207.337.031 đồng nhưng Công ty P từ chối ký biên bản biên đối chiếu công nợ và đến nay chưa thanh toán số tiền nợ trên cho Công ty V.

Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty cổ phần P phải thanh toán số tiền gốc còn lại là 207.337.031 đồng cùng số tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/ 1 năm tính đến thời điểm Công ty cổ phần P hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 11-05-2018 đến ngày 31-12-2020 là 57.867.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả tạm tính đến ngày 31-12-2020 là 265.204.031 đồng.

- *Tại bản tự khai, các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Ngô Thị T1 trình bày:* Công ty cổ phần P nhất trí với Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V về việc giữa hai công ty có ký hợp đồng nguyên tắc số 16/2016/HĐMB/VH-PL về việc mua bán cáp, neo dự ứng lực phục vụ thi công các công trình của Công ty cổ phần P. Tính đến thời điểm hiện tại Công ty cổ phần P còn nợ Công ty V số tiền gốc còn lại là 207.337.031 đồng và số tiền lãi chậm trả tính từ ngày 11-05-2018 đến ngày 31-12-2020 với mức lãi suất 10%/ 1 năm là 57.867.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi phải trả tạm tính đến ngày 31-12-2020 là 265.204.031 đồng.

Tuy nhiên, tính đến thời điểm hiện tại Công ty cổ phần P hiện đang rất khó khăn về nguồn vốn Công ty cổ phần P đề nghị thanh toán số tiền nợ gốc chia đều trong 6 tháng kể từ tháng 01- 2021 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc và miễn tiền lãi chậm trả. Do nguyên đơn không nhất trí phương án trả nợ của Công ty cổ phần P nên Công ty cổ phần P đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên

đơn, bị đơn kể từ khi vụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24; Điều 50, Điều 306 Luật thương mại; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V về việc: Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty cổ phần P phải thanh toán cho Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V số tiền gốc là 207.337.031 đồng, tiền lãi suất chậm thanh toán tạm tính đến ngày xét xử 31-12-2020 là 57.867.000 đồng và tiền lãi phát sinh tiếp theo tính từ ngày 01-01-2021 đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc với mức lãi suất 10%/năm.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được hoàn lại số tiền tạm ứng đã nộp. Bị đơn phải nộp án phí kinh doanh thương mại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V khởi kiện về việc tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn là Công ty cổ phần P có trụ sở tại: Lô C1, khu công nghiệp Khánh Phú, xã Ninh Phúc, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Tại phiên tòa vắng mặt bà Nguyễn Thị Bạch T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn. Tại văn bản ủy quyền lập ngày 28-12-2020 Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu H là người đại diện cho Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V và thay mặt bà T tham gia phiên tòa sơ thẩm ngày 31-12-2020. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về yêu cầu của nguyên đơn:

2.1. Xét yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền hàng còn nợ 207.337.031 đồng của nguyên đơn: Ngày 10-03-2016 Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V (gọi tắt là Công ty V) và Công ty cổ phần P (gọi tắt là Công ty P) ký kết Hợp đồng

nguyên tắc số 16/2016/HĐMB/VH-PL về việc mua bán cấp, neo dự ứng lực phục vụ thi công các công trình. Việc ký kết hợp đồng là sự thỏa thuận giữa các bên đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty V đã thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng. Tuy nhiên Công ty cổ phần P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty cổ phần P cũng thừa nhận còn nợ Công ty V số tiền 207.337.031 đồng. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 207.337.031 đồng tiền nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2. Xét yêu cầu trả tiền lãi do bị đơn chậm thanh toán: Xét thấy hai bên đã thỏa thuận tại khoản 7.4 Điều 7 của Hợp đồng nguyên tắc số 16/2016/HĐMB/VH-PL ngày 10-03-2016 với nội dung: “ Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được hàng nếu bên A không thanh toán cho bên B , thì bên A phải trả cho bên B lãi suất chậm trả theo quy định của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho số tiền chậm trả”. Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu tính lãi trên số tiền 207.337.031 đồng tại thời điểm khởi kiện của nguyên đơn. Về lãi suất chậm trả theo yêu cầu của nguyên đơn 10%/năm. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại ba ngân hàng có chi nhánh tại tỉnh Ninh Bình đối với khoản vay trung hạn, cụ thể: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội lãi suất 18%/năm, Ngân hàng TMCP Ngoại thương là 13,65%/năm, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn là 11%. Lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng nêu trên là 14,21%/năm. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất chậm trả là 10%/năm, thấp hơn lãi suất nợ quá hạn trung bình của ba ngân hàng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời điểm tính lãi và số tiền lãi phải trả: Theo nội dung trong hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa, hai bên thỏa thuận thời hạn thanh toán tiền hàng là 30 ngày kể từ ngày kể từ ngày Công ty V giao hàng. Như vậy, số tiền lãi chậm trả mà Công ty P phải trả cho Công ty V đến ngày xét xử (31-12-2020) cụ thể như sau: Số tiền lãi chậm trả đối với số tiền 254.530.632 đồng tính lãi từ 11-05-2018 đến 31-07-2018 (81 ngày) là 5.648.000 đồng; số tiền lãi chậm trả đối với số tiền 249.337.031 đồng tính lãi từ 01-08-2020 đến 01-02-2019 (184 ngày) là 12.569.000 đồng; số tiền lãi chậm trả đối với số tiền 207.337.031 đồng tính lãi từ 02-02-2019 ngày 31-12-2020 (698 ngày) là 39.650.000 đồng. Tổng số lãi chậm trả tính từ 11-05-2018 đến 31-12-2020 bị đơn phải thanh toán là 57.867.000 đồng.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 50, Điều 306 Luật Thương mại, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Công ty cổ phần P phải trả cho Công ty Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V tổng số tiền 265.204.031 đồng; trong đó tiền nợ gốc là 207.337.031 đồng đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31-12-2020 là 57.867.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, Công ty cổ phần P phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/ năm.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Công ty cổ phần P phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm của số tiền 265.204.031 đồng x 5% là 13.260.000 đồng.

Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V không phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm nên được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 50, Điều 306 Luật thương mại; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V đối với Công ty cổ phần P.

Buộc Công ty cổ phần P phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V tổng số tiền 265.204.031 đồng (*hai trăm sáu mươi năm triệu hai trăm linh bốn nghìn không trăm ba mươi một đồng*); trong đó tiền nợ gốc là 207.337.031 đồng (*hai trăm linh bảy triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn không trăm ba mươi một đồng*) và tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày xét xử sơ thẩm 31-12-2020 là 57.867.000 đồng (*năm mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, Công ty cổ phần P phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/ năm.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần P phải nộp 13.260.000 đồng (*mười ba triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty cổ phần thương mại, tư vấn và xây dựng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.400.000 đồng (*Sáu triệu bốn trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001655 ngày 09 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31-12-2020).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND thành phố Ninh Bình
- Chi cục THA DS thành phố Ninh Bình.
- Đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Phương

